

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA RAINFOREST ALLIANCE

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG



GIỚI THIỆU VỀ RAINFOREST ALLIANCE

Rainforest Alliance đang tạo ra một thế giới bền vững hơn nhờ vào việc sử dụng các nguồn lực xã hội và thị trường để bảo vệ tự nhiên và cải thiện cuộc sống của người nông dân cũng như các cộng đồng lâm nghiệp.

Phần ghi chú miễn trừ trách nhiệm dịch thuật.

Vui lòng tham khảo văn bản chính thức bằng tiếng Anh để hiểu rõ hơn nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến ý nghĩa chính xác của thông tin trong bản dịch. Mọi

thông tin sai lệch hoặc khác biệt về nghĩa do bản dịch đều không mang tính ràng buộc và không có hiệu lực cho mục đích thanh tra hoặc chứng nhận.

Bạn cần biết thêm thông tin?

Để biết thêm thông tin về Rainforest Alliance, hãy truy cập www.rainforest-alliance.org, liên hệ info@ra.org hoặc [Văn Phòng Rainforest Alliance Amsterdam, De Ruijterkade 6, 1013AA Amsterdam, Hà Lan](#).

Nghiêm cấm sử dụng nội dung này, bao gồm sao chép, chỉnh sửa, phân phối hoặc tái xuất bản mà không có văn bản chấp thuận trước của Rainforest Alliance.

Tên tài liệu:

Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance, Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng

Mã tài liệu:

SA-S-SD-2-V1.2

Phiên bản:

1.2

Ngày xuất bản lần đầu:

30/06/2020

Ngày sửa đổi:

31/01/2022

Có hiệu lực từ:

01/07/2022

Hết hạn vào:

Cho đến khi có thông báo thêm

Người soạn thảo:

Bộ Phận Tiêu Chuẩn và Đảm Bảo Rainforest Alliance

Người phê duyệt

Giám Đốc Tiêu Chuẩn và Đảm Bảo

Liên kết với (mã và tên tài liệu, nếu có):

SA-S-SD-1-V1.1VN Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững 2020 của Rainforest Alliance, Các Yêu Cầu Đối Với Trang Trại
Tất cả các phụ lục, hướng dẫn và chính sách khác được liệt kê trong tài liệu này.

Thay thế:

SA-S-SD-2-V1.1 Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Rainforest Alliance 2020, Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng

Áp dụng cho:

Đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng

Quốc gia/Khu vực:

Tất cả

Các loại cây trồng:

Tất cả các loại cây trồng trong phạm vi hệ thống chứng nhận của Rainforest Alliance; vui lòng xem Quy Định Chứng Nhận

Loại chứng nhận:

Đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng

NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH TRONG PHIÊN BẢN 1.2

Tổng quan về những điều chỉnh trong tài liệu này

SA-S-SD-2-V1.2 Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Rainforest Alliance, Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng, phát hành ngày ngày 31 tháng 1 năm 2022, so với

SA-S-SD-2-V1.1 Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Rainforest Alliance, Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng, phát hành ngày ngày 31 tháng 1 năm 2021

| Yêu cầu số | Chủ đề | Thay đổi |
|------------|---|--|
| 1.5.1 | Cơ chế khiếu nại | Sửa đổi. Ủy ban khiếu nại do ban quản lý thành lập và phải gồm ít nhất một thành viên/đại diện người lao động. |
| 3.2.4 | Khoản thanh toán Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững | Sửa đổi. Tùy theo cây trồng, ngoài các thỏa thuận theo hợp đồng, có thể đưa ra các cam kết xác định rõ số tiền và các điều khoản khác về Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững. |
| 3.2.6 | Ghi chép Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững | Đơn giản hóa yêu cầu, thông tin chi tiết hơn có trong Phụ Lục S14 Chia Sẻ Trách Nhiệm. |
| 3.3.5 | Ghi chép Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận | Đơn giản hóa yêu cầu, thông tin chi tiết hơn có trong Phụ Lục S14 Chia Sẻ Trách Nhiệm. |
| 3.3.6 | Khoản thanh toán của Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận | Bổ sung yêu cầu mới, theo đó đơn vị sở hữu chứng nhận chịu trách nhiệm phải có các thỏa thuận theo hợp đồng hoặc cam kết rõ ràng xác định rõ số tiền và các điều khoản khác về Các Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận. Yêu cầu này hiện phù hợp với yêu cầu 3.2.4 về các thỏa thuận hoặc cam kết như vậy đối với Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững. |
| 5.3.1 | Hợp đồng lao động bằng văn bản cho người lao động | Làm rõ là phải có hợp đồng lao động bằng văn bản đối với lao động làm việc lâu dài và lao động tạm thời làm việc ba tháng liên tục trở lên. |
| 5.3.3 | Mức lương tối thiểu | Xóa nội dung điều chỉnh mức lương theo lạm phát. Điều khoản này hiện là một yêu cầu tự chọn riêng số 5.1.13. |
| 5.3.5 | Khấu trừ tiền lương | Bổ sung nhằm xác định rõ rằng Bên thuê lao động thực hiện chuyển tiền đầy đủ và kịp thời.. |
| 5.3.13 | Mức lương tối thiểu | Điều chỉnh mức lương theo lạm phát hàng năm. Yêu cầu tự chọn mới về nội dung điều chỉnh theo lạm phát đã bị xóa trong các yêu cầu 5.3.3 và 5.4.2. |
| 5.4.2 | Mức lương cơ bản | Kế Hoạch Cải Thiện Tiền Lương. Xóa nội dung điều chỉnh mức lương theo lạm phát hàng năm. |
| 5.5.2 | Làm việc ngoài giờ | Bổ sung các trường hợp đặc biệt có thể cho phép làm việc ngoài giờ thêm để xử lý các cây trồng có khoảng thời gian thu hoạch ngắn từ 6 tuần trở xuống. |
| 6.5.6 | Tích trữ nước mưa | Sửa đổi mục đích sử dụng nước mưa tích trữ để bổ sung các mục đích nông nghiệp khác ngoài tưới tiêu. |

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU 5

| | |
|--|---|
| Rà Soát và Cải Thiện Chứng Nhận | 5 |
| Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững 2020: | |
| Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng | 5 |
| Xây Dựng Tiêu Chuẩn | 5 |
| Chương Trình Chứng Nhận 2020 | 6 |
| Tổng Quan Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng | 7 |
| Tình Hình Thực Tế về Hồ Sơ Rủi Ro của Đơn Vị Sở Hữu Chứng Nhận | 8 |

Chương 1: QUẢN LÝ 9

| | |
|-------------------------------------|----|
| 1.1 Quản Lý | 10 |
| 1.2 Quản Trị | 11 |
| 1.4 Thanh Tra Nội Bộ và Tự Đánh Giá | 12 |
| 1.5 Cơ Chế Khiếu Nại | 13 |
| 1.6 Bình Đẳng Giới | 14 |

Chương 2: TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM 15

| | |
|--|----|
| 2.1 Truy Nguyên Sản Phẩm | 16 |
| 2.2 Truy Nguyên Sản Phẩm trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến | 17 |
| 2.3 Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bố | 18 |

Chương 3: THU NHẬP VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG 19

| | |
|--|----|
| 3.2 Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững | 20 |
| 3.3 Các Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận | 20 |
| 3.4 Các Khoản Đóng Góp Từ Chuỗi Cung Ứng cho Khoản Thanh Toán Mức Lương Cơ Bản | 21 |

Chương 5: XA HỘI 23

| | |
|---|----|
| 5.1 Đánh Giá và Xử Lý Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc | 23 |
| 5.2 Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể | 25 |
| 5.3 Tiền Lương và Hợp Đồng | 26 |
| 5.5 Điều Kiện Làm Việc | 28 |
| 5.6 Sức Khỏe và An Toàn | 29 |

Chương 6: MÔI TRƯỜNG 32

| | |
|-----------------------|----|
| 6.6 Quản Lý Nước Thải | 33 |
|-----------------------|----|

Phụ Lục

| |
|--------------------------------|
| S1 Danh Mục Một Số Thuật Ngữ |
| S3 Đánh Giá Rủi Ro |
| S4 Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả |
| S6 Truy Nguyên Sản Phẩm |
| S14 Trách Nhiệm Chung |

Các hướng dẫn (không ràng buộc)

| |
|--|
| Hướng Dẫn Chung |
| Tài Liệu Hướng Dẫn E: Cơ Chế Khiếu Nại |
| Tài Liệu Hướng Dẫn F: Bình Đẳng Giới |
| Tài Liệu Hướng Dẫn L: Đánh Giá và Xử Lý |
| Tài Liệu Hướng Dẫn R: Công Cụ Theo Dõi Đánh Giá và Xử Lý |

GIỚI THIỆU TẦM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI

RÀ SOÁT VÀ CẢI THIỆN CHỨNG NHẬN

Việc sáp nhập Rainforest Alliance và UTZ vào năm 2018 là thời khắc tất yếu, chúng tôi kết hợp những kinh nghiệm và xây dựng một phương pháp tiếp cận mạnh mẽ nhằm hướng tới tương lai đối với chương trình chứng nhận hoàn toàn phù hợp với những thách thức mà nền nông nghiệp bền vững và các chuỗi cung ứng có liên quan hiện đang phải đối mặt.

‘Rà Soát và Cải Thiện Chứng Nhận’ là tầm nhìn dài hạn của chúng tôi dựa trên các nguyên tắc cốt lõi: cải tiến liên tục; dữ liệu hỗ trợ; đảm bảo chứng nhận dựa trên rủi ro; tình hình cụ thể và trách nhiệm chung.

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2020: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG

Chủ đề quản lý bền vững vượt ra ngoài nội bộ trang trại, và những người mua trong chuỗi cung ứng được chứng nhận phải tăng cường hỗ trợ người nông dân để sản xuất một cách bền vững hơn. Với Chương Trình Chứng Nhận 2020 của Rainforest Alliance, chúng tôi đang hướng tới mục tiêu không chỉ thúc đẩy tính minh bạch mà còn thúc đẩy các hình thái kinh doanh có trách nhiệm của các công ty trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Là bước đầu tiên hướng tới tầm nhìn Rà Soát và Cải Thiện Chứng Nhận, các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng của Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững giới thiệu một số đổi mới, sáng tạo, chẳng hạn như các yêu cầu dựa trên tình hình cụ thể phù hợp với hoàn cảnh thực tế của từng đơn vị sở hữu chứng nhận, tăng cường xác định, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro đối với công tác quản lý bền vững và yêu cầu về chia sẻ trách nhiệm để khen thưởng những người nông dân sản xuất bền vững và các khoản đầu tư bền vững để đạt được các mục tiêu trong công tác quản lý bền vững. Có thể tìm hiểu chi tiết về những sáng tạo, đổi mới này trong tài liệu ‘Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Năm 2020 – Phần Giới Thiệu’ trên trang web của Rainforest Alliance.

Các Yêu Cầu Về Trang Trại và Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng cùng tạo nên Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance. Các yêu cầu có thể được áp dụng đối với các đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại, được đưa ra trong tài liệu Các Yêu Cầu Về Trang Trại. Các yêu cầu có thể được áp dụng đối với các đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng, được đưa ra trong tài liệu Các Yêu Cầu Đối Với Chuỗi Cung Ứng. Điều này có nghĩa là việc đánh số trong mỗi tài liệu này có thể thể hiện các khoảng trống.

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN

Rainforest Alliance là thành viên chính thức của ISEAL. Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Năm 2020 đã được xây dựng theo Bộ Quy Tắc Thực Hành Tốt theo Tiêu Chuẩn ISEAL đối với các phần có liên quan, đảm bảo các tài liệu đều phù hợp, minh bạch và phản ánh sự cân bằng về lợi ích của các bên liên quan.



CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN 2020

Chương Trình Chứng Nhận 2020 Rainforest Alliance chính là nền tảng cho việc rà soát và cải thiện chứng nhận của mình. Tiêu chuẩn mới, hệ thống đảm bảo, dữ liệu liên quan và các hệ thống công nghệ được thiết kế để tăng thêm giá trị sử dụng cho nhiều cá nhân và các công

ty doanh nghiệp trên toàn thế giới đang sử dụng chứng nhận Rainforest Alliance làm công cụ thiết yếu để hỗ trợ quy trình sản xuất và chuỗi cung ứng nông nghiệp bền vững.

Chương Trình Chứng Nhận 2020 bao gồm ba phần chính được thiết kế phối hợp chặt chẽ với nhau:



TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

TRANG TRẠI YÊU CẦU



CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG



Phụ lục (ràng buộc):

Bắt buộc phải tuân thủ nội dung của các phụ lục để được cấp chứng nhận.

Các hướng dẫn (không ràng buộc):

Các tài liệu nhằm giúp người dùng hiểu, diễn giải và thực hiện đúng các yêu cầu để tiến hành thanh tra đánh giá chứng nhận Rainforest Alliance nhưng không ràng buộc.



HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHỨNG NHẬN

- **Quy Chế Chứng Nhận** quy định cách thức các đơn vị thanh tra đánh giá việc tuân thủ các yêu cầu về trang trại và chuỗi cung ứng
- **Quy Định Thanh Tra** đảm bảo các đơn vị thanh tra chứng nhận luôn thực hiện các quy trình thanh tra của Rainforest Alliance với chất lượng cao nhất
- **Quy Định Ủy Quyền cho Các Đơn Vị Thanh Tra Chứng Nhận** để xác định xem tổ chức nào có thể tiến hành thanh tra đánh giá Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance.
- **Quy Định dành cho Nhân Viên của Đơn Vị Thanh Tra Chứng Nhận**



CÁC HỆ THỐNG DỮ LIỆU VÀ CÁC CÔNG CỤ

Đơn vị sở hữu chứng nhận ở cấp trang trại và chuỗi cung ứng sẽ đăng ký thành viên, quản lý các quy trình thanh tra và lưu giữ hồ sơ các giao dịch mua bán sản phẩm được chứng nhận trong một nền tảng CNTT mới.

Các công cụ dựa trên kỹ thuật CNTT mới sẽ được cung cấp dần dần tới người nông dân, các đơn vị sở hữu chứng nhận và những người tham gia chuỗi cung ứng để theo dõi và quản lý thực hiện hiệu quả hơn theo các yêu cầu của Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững.

TỔNG QUAN CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG

Các yêu cầu trong tài liệu này được đặt ra trong các chương, theo chủ đề chính của chúng.

Tất cả các yêu cầu này là bắt buộc nếu chúng nằm trong danh sách kiểm tra theo hoàn cảnh thực tế, được tạo ra sau quy trình đăng ký, thay vì các yêu cầu theo điều 3.4 về đóng góp vào khoản thanh toán mức lương cơ bản có thể tự chọn.

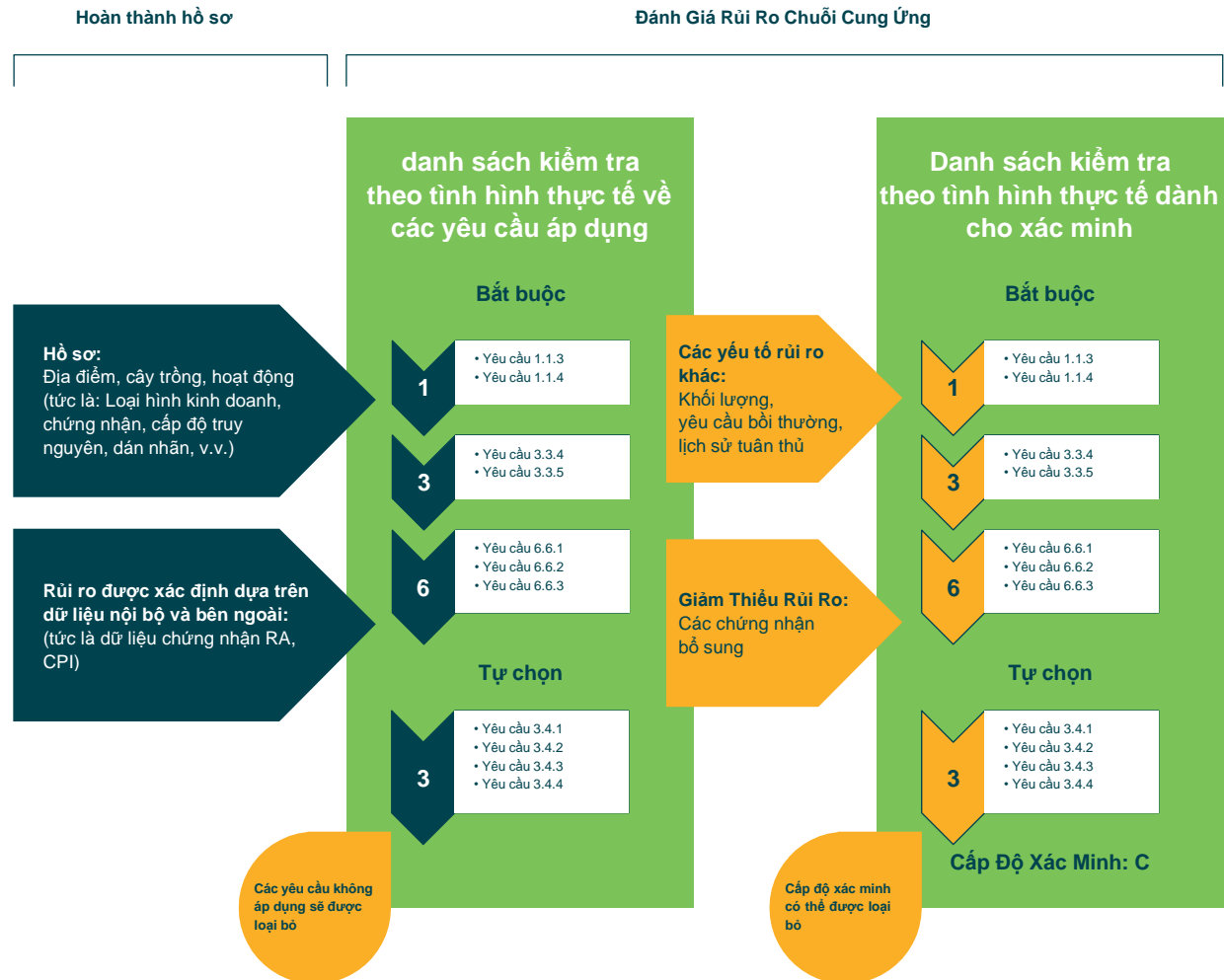
| 1. Quản Lý | |
|----------------------------------|---|
| 1,1 | Quản Lý |
| 1,2 | Quản Trị |
| 1,4 | Thanh Tra Nội Bộ và Tự Đánh Giá |
| 1,5 | Cơ Chế Khiếu Nại |
| 1,6 | Bình Đẳng Giới |
| 2. Truy nguyên sản phẩm | |
| 2,1 | Truy nguyên sản phẩm |
| 2,2 | Truy Nguyên Sản Phẩm trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến |
| 2,3 | Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bó |
| 3. Thu Nhập và Trách Nhiệm Chung | |
| 3,2 | Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững |
| 3,3 | Các khoản chi phí thực hiện công tác bền vững đối với sản phẩm được chứng nhận |
| 3,4 | Các Khoản Đóng Góp Từ Chuỗi Cung Ứng cho Khoản Thanh Toán Mức Lương Cơ Bản (Tự chọn) |
| 5. Xã Hội | |
| 5,1 | Đánh Giá và Xử Lý Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc |
| 5,2 | Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể |
| 5,3 | Tiền Lương và Hợp Đồng |
| 5,5 | Các Điều Kiện Làm Việc |
| 5,6 | Sức Khỏe và An Toàn Lao Động |
| 6. Môi Trường | |
| 6,6 | Quản Lý Nước Thải |

Đánh Giá Rủi Ro Chuỗi Cung Ứng (SCRA) cho Đơn Vị/Nhà Cung Ứng Sản Phẩm

Là một phần trong hệ thống đảm bảo, dữ liệu được thu thập thông qua SCRA sẽ được đưa vào quy trình đăng ký và hoàn tất hồ sơ. SCRA đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của tổ chức ở mức cơ sở riêng để xác định loại và tần suất xác minh cần thiết. Hồ sơ của công ty dựa trên các hoạt động, thông tin về địa điểm, cây trồng thu được thông qua quy trình này, kết hợp với thông tin dữ liệu nội bộ và của bên thứ ba khác (khối lượng, tuân thủ, rủi ro xã hội và các thông tin khác) cụ thể cho từng hoạt động riêng. Thông tin hồ sơ của tổ chức sẽ kết chuyển ra một danh mục kiểm tra theo tình hình thực tế với các yêu cầu bắt buộc và yêu cầu tự chọn đã có.

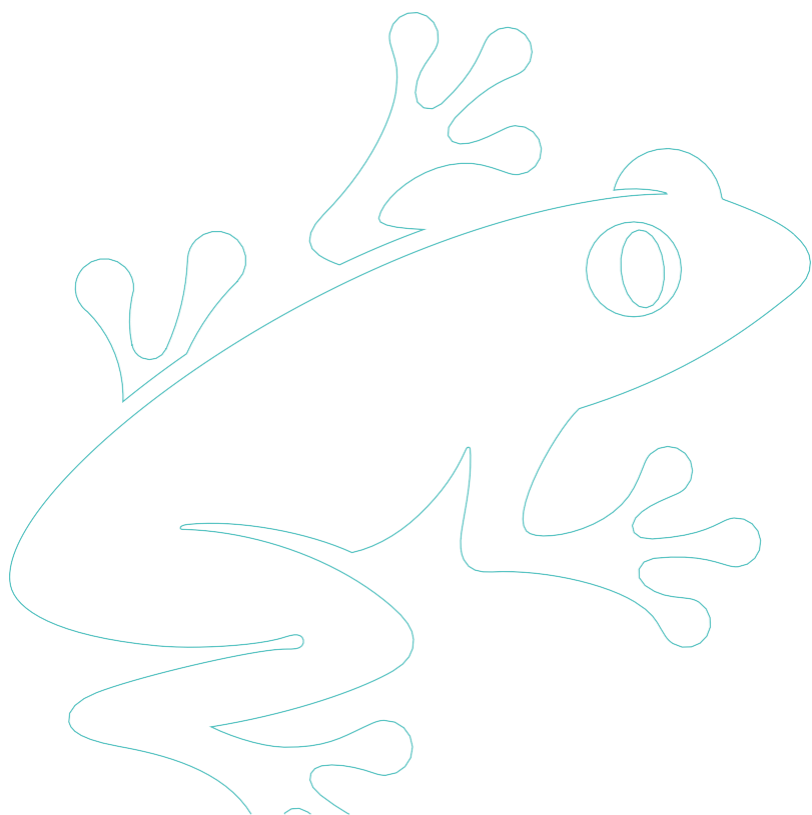
Sau khi danh sách các yêu cầu áp dụng được tổ chức xác nhận, SCRA quyết định mức độ thanh tra xác minh cần thiết để xử lý các yêu cầu trong danh sách kiểm tra theo tình hình thực tế của tổ chức đó. Tổ chức có thể cung cấp thêm hồ sơ tài liệu thể hiện sự tuân thủ đối với các yêu cầu bắt buộc, đây sẽ được coi như là các yếu tố giảm bớt có thể có để giảm bớt mức độ thanh tra xác minh. Sau đó, bản SCRA có thể được chia thành hai phần: 1) danh sách kiểm tra theo tình hình thực tế về các yêu cầu bắt buộc và tự chọn và 2) mức độ xác minh cần thiết để đánh giá việc tuân thủ, thể hiện trực quan trong hình này.

Tình Hình Thực Tế về Hồ Sơ Rủi Ro của Đơn Vị Sở Hữu Chứng Nhận



Chương 1

QUẢN LÝ



Công tác bền vững không chỉ gắn liền với đời sống mà còn là công việc kinh doanh, và để kinh doanh thành công thì cần có hoạt động quản lý. Rainforest Alliance muốn các tổ chức được cấp chứng nhận được quản lý một cách hiệu quả, minh bạch, toàn diện và khả thi về mặt kinh tế. Ở đây, điều cần thiết là các trang trại và công ty phải triển khai hệ thống quản lý và lập kế hoạch tích hợp, bao gồm các quy trình và thủ tục để cải tiến liên tục. Chương này bao gồm các chủ đề liên quan đến quản lý và đạo đức kinh doanh có trách nhiệm. Các yêu cầu đối với những chủ đề này tuân theo quy trình đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh. Thông qua việc sử dụng Công Cụ Đánh Giá Rủi Ro của chúng tôi, các công ty xác định được những hoạt động giảm thiểu và thích ứng cho các chủ đề cụ thể để đưa vào kế hoạch quản lý của họ. Chương đầu tiên này cũng bao gồm chủ đề xuyên suốt về giới tính. Việc đưa chủ đề này vào chương quản lý đồng nghĩa với việc công nhận tầm quan trọng cơ bản của giới tính và áp dụng cho nhiều khía cạnh của hoạt động công ty.

1.1 QUẢN LÝ

| | |
|--------------|---|
| 1.1.3 | Đây là <u>kế hoạch quản lý</u> được ghi chép rõ ràng và thực hiện, đề cập đến từng yêu cầu áp dụng đối với Chuỗi Cung Ứng của Rainforest Alliance. Các quy trình đã được ghi chép bao gồm kiểm soát các sản phẩm <u>được chứng nhận</u> cho tất cả các quá trình áp dụng, có trong <u>phạm vi chứng nhận</u> , để duy trì tính toàn vẹn của sản phẩm. |
| 1.1.4 | <p>Đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng đã lập, thông qua và phổ biến một hoặc nhiều chính sách để đảm bảo <u>tinh thần kinh doanh có trách nhiệm</u> trong các hoạt động, chuỗi cung ứng và quan hệ kinh doanh khác của chính họ. Các chính sách phải đề cập đến những ảnh hưởng bất lợi trực tiếp và gián tiếp đến nhân quyền và môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none">• Các chính sách cam kết và dẫn chiếu đến Hướng Dẫn Thảm Định của OECD sau đây về Tinh Thần Kinh Doanh Có Trách Nhiệm. Tham chiếu và cam kết tuân thủ Hướng Dẫn của OECD dành cho Doanh Nghiệp Đa Quốc Gia hoặc Nguyên Tắc Hướng Dẫn của Liên Hợp Quốc (United Nations, UN) về Kinh Doanh và Nhân Quyền cũng được chấp nhận.• Phải giao cho ban quản lý cấp cao giám sát và chịu trách nhiệm về những chính sách đó và việc thực hiện chính sách.• Phải quy định rõ các chính sách và kỳ vọng khi cam kết với các nhà cung ứng và đối tác kinh doanh khác, bao gồm cả hợp đồng và văn bản thỏa thuận khác. Công cụ tiềm năng để theo dõi tuân thủ phải có sẵn bộ nguyên tắc cho nhà cung ứng.• Ở mức tối thiểu, chính sách này phải yêu cầu đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng, các nhà cung ứng của đơn vị đó và các đối tác kinh doanh khác:<ul style="list-style-type: none">- Tuân thủ <u>luật hiện hành</u> và các tiêu chuẩn liên quan về nhân quyền, quyền và điều kiện của người lao động, sức khỏe và sự an toàn- Tuân thủ <u>luật hiện hành</u> và các tiêu chuẩn liên quan về quản lý bảo vệ môi trường, phá rừng, đa dạng sinh học, rác thải và <u>quản lý nước thải</u> <p>Để biết mẫu chính sách dành cho các chuỗi cung ứng nông nghiệp có trách nhiệm, hãy tham khảo Hướng Dẫn của OECD về Chuỗi Cung Ứng Nông Nghiệp Có Trách Nhiệm, trang 25-29.15</p> |

1.2 QUẢN TRỊ

| | |
|---------------|--|
| 1.2.3 | <p>Có danh sách bao gồm <u>các nhà thầu phụ</u>, nhà cung ứng và <u>đơn vị trung gian</u> của sản phẩm <u>được chứng nhận</u> xác nhận họ tuân thủ các quy định chứng nhận trước hoặc tại thời điểm diễn ra hoạt động.</p> <p>Đối với các trang trại, danh sách các nhà cung cấp này chỉ đề cập đến chỉ khi họ mua hàng từ đó.</p> |
| 1.2.5 | <p>Lưu giữ danh sách cập nhật bao gồm các <u>lao động</u> tạm thời và lâu dài, dành cho mỗi <u>người lao động</u>:</p> <ul style="list-style-type: none">• Họ và tên• <u>Giới tính</u>• Năm sinh• Ngày bắt đầu và kết thúc việc làm• <u>Tiền lương</u> <p>Đối với những người lao động được cung cấp <u>nhà ở</u>, sổ đăng ký còn bao gồm thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none">• Địa chỉ nhà ở• Số lượng thành viên trong gia đình• Năm sinh của thành viên trong gia đình <p>Đối với trẻ em làm các công việc nhẹ (12-14 tuổi) và <u>người lao động trẻ</u> (15-17 tuổi), sổ đăng ký còn bao gồm thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none">• Địa chỉ nhà ở• Tên và địa chỉ của (các) phụ huynh hoặc (các) người giám hộ hợp pháp• Đăng ký trường học (nếu có)• Loại công việc hoặc nhiệm vụ• Số giờ làm việc hàng ngày và hàng tuần <p><i>Lưu ý về khả năng áp dụng: đối với chứng nhận chuỗi cung ứng, yêu cầu này chỉ áp dụng cho các đơn vị sở hữu chứng nhận thể hiện rủi ro cao trong các chủ đề xã hội và vì vậy phải tuân thủ các yêu cầu trong chương 5.</i></p> |
| 1.2.9 | <p>Hồ sơ lưu trữ nhằm mục đích cấp chứng nhận và tuân thủ được lưu giữ ít nhất bốn năm.</p> |
| 1.2.16 | <p>Có danh sách <u>người lao động</u> (nam/nữ) đã được đào tạo và có kiến thức, kỹ năng để thực hiện hiệu quả <u>kế hoạch quản lý</u> chuỗi cung ứng.</p> |
| 1.2.17 | <p>Quản trị viên <u>hiều cơ sở</u> lưu danh sách <u>các cơ sở</u> cần gộp trong chứng nhận kèm theo các thông tin sau: Kết quả rủi ro, địa chỉ, <u>phạm vi</u> và <u>người lao động</u> chịu trách nhiệm thực hiện tại cơ sở đó. Bắt buộc phải có mẫu chấp thuận cho các cơ sở không thuộc quyền sở hữu chung, nếu áp dụng.</p> |

1.4 THANH TRA NỘI BỘ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ

| | |
|--------------|---|
| 1.4.1 | <p>Thiết lập hệ thống <u>thanh tra nội bộ</u> để đánh giá sự tuân thủ Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance cho từng <u>thành viên nhóm</u> (đối với trang trại) và <u>cơ sở</u> và/hoặc các đơn vị khác. Hệ thống bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Thanh tra hàng năm mỗi thành viên nhóm (đối với trang trại), cơ sở (chế biến) và bất kỳ đơn vị nào khác (bao gồm <u>các nhà thầu phụ</u>, <u>các đơn vị trung gian</u>, <u>các nhà cung cấp dịch vụ</u>) trong phạm vi chứng nhận. Trước khi thanh tra chứng nhận lần đầu, cần phải thanh tra nội bộ tất cả các yếu tố này.• Phạm vi trong năm chứng nhận đầu tiên là: tất cả các yêu cầu áp dụng của Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance• Phạm vi hoạt động trong các năm tiếp theo dựa trên <u>Đánh Giá Rủi Ro</u> (đối với trang trại, xem 1.3.1), dựa trên kết quả thanh tra nội bộ của năm trước và kết quả thanh tra đánh giá. <p>Chỉ đối với phạm vi trang trại: có sẵn hệ thống xoay vòng để mỗi <u>đơn vị trang trại</u> được thanh tra ít nhất 3 năm một lần. Trong trường hợp các đơn vị trang trại ở xa, cần thực hiện thanh tra ít nhất 6 năm một lần.</p> <p><i>Lưu ý về khả năng áp dụng: các đợt thanh tra nội bộ được tiến hành khi có nhiều hơn một thực thể (thành viên nhóm, cơ sở, nhà cung cấp dịch vụ, nhà thầu phụ) trong chứng nhận.</i></p> |
| 1.4.2 | <p>Ban quản lý hàng năm tiến hành <u>tự đánh giá</u> để đánh giá khả năng tuân thủ Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance của mình và của tất cả các đơn vị trong <u>phạm vi chứng nhận</u>.</p> <p>Đối với các đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại, tự đánh giá bao gồm kết quả từ <u>thanh tra nội bộ</u> của <u>thành viên nhóm</u> và các thực thể khác trong chứng nhận (bao gồm <u>các nhà thầu phụ</u>, <u>các đơn vị trung gian</u>, <u>các nhà cung cấp dịch vụ</u> và các cơ sở chế biến).</p> <p>Đối với các đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng nhiều cơ sở, tự đánh giá bao gồm thanh tra nội bộ các cơ sở, gồm cả các nhà thầu phụ.</p> |
| 1.4.3 | <p>Thiết lập hệ thống phê duyệt và xử phạt liên quan đến việc tuân thủ Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance cho <u>thành viên nhóm</u> (đối với trang trại) và/hoặc <u>cơ sở</u>. Hệ thống bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Thủ tục phê duyệt và xử phạt lập thành văn bản• Người quản lý hoặc ủy ban phê duyệt và xử phạt• Cơ chế theo dõi các biện pháp cải thiện và khắc phục của các thành viên nhóm/cơ sở• Quyết định về trạng thái chứng nhận của từng thành viên nhóm/cơ sở đã được ký kết, lập thành văn bản và đưa vào báo cáo thanh tra nội bộ chính thức |

1.5 CƠ CHẾ KHIẾU NẠI

1.5.1

Thiết lập cơ chế khiếu nại cho phép các cá nhân, người lao động, cộng đồng và/hoặc xã hội, bao gồm cả nhân viên kiểm soát có thể đưa ra các than phiền của họ về việc bị ảnh hưởng tiêu cực do các hoạt động kinh doanh cụ thể và/hoặc bất kỳ hoạt động nào khác, bao gồm cả hoạt động kỹ thuật, xã hội hoặc kinh tế. Cơ chế khiếu nại có thể được cung cấp trực tiếp thông qua mối quan hệ hợp tác với các công ty khác, hoặc thông qua một chương trình chuyên ngành hoặc cơ chế được thể chế hóa và phù hợp với Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc (United Nations Guiding Principles, UNGP) về Kinh doanh và Nhân quyền. Cơ chế khiếu nại phải tạo điều kiện truy cập dễ dàng, sử dụng ngôn ngữ địa phương và dành cả cho những người không thể đọc hoặc không thể truy cập Internet. Cơ chế khiếu nại nên bao gồm ít nhất các yếu tố sau:

- Ủy ban khiếu nại có quyền ra quyết định, có kiến thức về khiếu nại, khách quan, dễ tiếp cận và nhạy cảm về mặt giới tính
- Ủy ban khiếu nại do ban quản lý thành lập và phải gồm ít nhất một thành viên/đại diện người lao động
- Cơ chế khiếu nại cung cấp các kênh đệ trình phù hợp, dành cho các bên liên quan bên trong và bên ngoài, bao gồm người lao động, thành viên, nhân viên, người mua hàng, nhà cung cấp, người bản xứ và các cộng đồng
- Chấp nhận những khiếu nại ẩn danh và bảo mật thông tin
- Những khiếu nại về nhân quyền và quyền lao động được khắc phục xử lý phù hợp với Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả, và hợp tác với Ủy Ban Đánh Giá và Xử Lý và/hoặc Ủy Ban/Cá Nhân phụ trách về Giới Tính nếu thích hợp, tùy trường hợp
- Phải lập hồ sơ khiếu nại và hành động tiếp theo đã thống nhất và chia sẻ với những người có liên quan trong một khung thời gian hợp lý
- Người nộp đơn khiếu nại được bảo vệ để không bị chấm dứt việc làm/tư cách thành viên, bị trừng phạt hoặc đe dọa do sử dụng cơ chế khiếu nại

Ủy Ban Đánh Giá và Xử Lý (nếu áp dụng): xem 5.1.1

Ủy Ban/Cá Nhân phụ trách về Giới Tính: xem 1.6.1



Vui lòng xem Phụ Lục S4: Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả



Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn E: Cơ Chế Khiếu Nại

1.6 BÌNH ĐẲNG GIỚI

1.6.1

Công tác quản lý cam kết thúc đẩy vấn đề bình đẳng giới bằng:

- Một tuyên bố bằng văn bản được gửi tới các nhóm thành viên/người lao động
- Chỉ định một ủy ban chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và đánh giá các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Ban quản lý có thể chọn chỉ định một người chịu trách nhiệm thay vì một ủy ban, trừ trường hợp các trang trại quy mô lớn.

Ủy ban/cá nhân phụ trách:

- Có hiểu biết về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
- Trong trường hợp ủy ban phụ trách, ủy ban bao gồm ít nhất một phụ nữ và ít nhất một người từ ban quản lý
- Được các thành viên nhóm/người lao động biết đến, có thể tiếp cận và tin tưởng



Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn F: Bình Đẳng Giới

1.6.2

Ủy ban/cá nhân phụ trách thực hiện các hoạt động sau:

- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới tuân theo Đánh Giá Rủi Ro cơ bản và đưa các biện pháp này vào trong kế hoạch quản lý (1.1.3)
- Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tham gia ban quản lý và (nhóm) ít nhất hàng năm
- Tham gia vào các trường hợp khắc phục hậu quả liên quan đến bạo lực dựa trên giới tính và phân biệt đối xử dựa trên giới tính phù hợp với Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả



Vui lòng xem Phụ Lục S3: Công Cụ Đánh Giá Rủi Ro



Vui lòng xem Phụ Lục S4: Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả

chương 2

TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM




Chương trình chứng nhận nông nghiệp bền vững thành công, đáng tin cậy phải có khả năng tạo niềm tin cho người dùng rằng các sản phẩm được chứng nhận thực sự được sản xuất theo đúng tiêu chuẩn.

Điều này đòi hỏi phải có một hệ thống minh bạch, mạnh mẽ để theo dõi sản phẩm từ người nông dân xuyên suốt chuỗi cung ứng đến khi bán lẻ.

Các yêu cầu trong chương này cung cấp cho các đơn vị sở hữu chứng nhận một khung để truy nguyên chính xác và tin cậy sản phẩm được chứng nhận và báo cáo bất kỳ hoạt động nào đã thực hiện trên sản phẩm được chứng nhận (bao gồm chuyển đổi và bán hàng) trong hệ thống truy nguyên sản phẩm của Rainforest Alliance.

2.1 TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM

| | |
|--------|---|
| 2.1.3 | Phân biệt trực quan các sản phẩm <u>được chứng nhận</u> với các sản phẩm không được chứng nhận ở tất cả các giai đoạn, bao gồm cả vận chuyển, bảo quản và chế biến. |
| 2.1.4 | Ban quản lý lên sơ đồ tổ chức tiến trình sản xuất sản phẩm của <u>phạm vi chứng nhận</u> , bao gồm tất cả các bên trung gian (điểm thu mua, đơn vị vận chuyển, chế biến, kho bãi, v.v.) và các hoạt động thực hiện trên sản phẩm. |
| 2.1.6 | Khối lượng gửi hàng của các sản phẩm <u>được chứng nhận</u> không vượt quá tổng sản lượng (đối với trang trại), khối lượng sản phẩm được chứng nhận đã mua cộng với số hàng tồn kho từ năm trước. |
| 2.1.7 | Không bán <u>trùng</u> khối lượng chứng nhận: các sản phẩm được bán dưới dạng sản phẩm thông thường hoặc được bán theo một chương trình khác hoặc sáng kiến về công tác quản lý bền vững cũng không được bán dưới dạng Sản Phẩm Được Rainforest Alliance Chứng Nhận. Có thể bán các sản phẩm được chứng nhận theo nhiều hơn một chương trình. |
| 2.1.9 | Phương pháp chính xác để tính toán các hệ số chuyển đổi được chứng minh và lập thành hồ sơ cho mỗi sản phẩm <u>được chứng nhận</u> và thể hiện tương ứng trong <u>hệ thống truy nguyên sản phẩm</u> .  Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm |
| 2.1.10 | Thiết bị được sử dụng để xác định trọng lượng hoặc thể tích của sản phẩm <u>được chứng nhận</u> được hiệu chỉnh hàng năm. |
| 2.1.11 | Tóm tắt khối lượng của sản phẩm <u>được chứng nhận</u> được cung cấp trong 12 tháng trước. Tóm tắt này bao gồm khối lượng đầu vào, khối lượng đã mua, khối lượng lưu kho, đã xử lý, khối lượng đầu ra, khối lượng <u>đã mất</u> và đã bán (nếu áp dụng). |
| 2.1.12 | Tài liệu bao gồm <u>loại truy nguyên sản phẩm</u> và tỷ lệ phần trăm (khi áp dụng) khi có thay đổi về quyền sở hữu pháp lý và/hoặc quyền sở hữu thực tế của sản phẩm <u>được chứng nhận</u> . |
| 2.1.13 | Có bằng chứng (tài liệu về sản phẩm đầu vào và đầu ra, các quy trình tại cơ sở, báo cáo) mà bất kỳ <u>công bố sản phẩm chứng nhận nào Rainforest Alliance</u> đưa ra đều hợp lệ và tuân thủ các yêu cầu trong Chương Trình Chứng Nhận của Rainforest Alliance. |



2.2 TRUY NGUYÊN SẢN PHẨM TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRỰC TUYẾN

Áp dụng cho các đơn vị sở hữu chứng nhận làm việc trên cây trồng được cung cấp khả năng truy nguyên trực tuyến trong Chương Trình Chứng Nhận của Rainforest Alliance.

| | |
|-------|---|
| 2.2.1 | <p>Khối lượng sản phẩm đã bán dưới dạng <u>được chứng nhận</u> được ghi lại trong <u>hệ thống truy nguyên sản phẩm</u> của Rainforest Alliance chậm nhất là hai tuần sau khi kết thúc giao hàng từng quý.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm</p> |
| 2.2.2 | <p>Người mua sản phẩm Được Rainforest Alliance Chứng Nhận có sẵn quy trình để thường xuyên đảm bảo rằng các giao dịch trong <u>hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm</u> khớp với hóa đơn cho các sản phẩm <u>được chứng nhận</u> đã mua và/hoặc gửi hàng.</p> |
| 2.2.3 | <p>Khối lượng sản phẩm không được bán dưới dạng sản phẩm Được Rainforest Alliance Chứng Nhận và/hoặc bị <u>thất thoát</u> sẽ bị xóa khỏi <u>hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm</u> trong vòng hai tuần sau khi kết thúc quý đã gửi hàng hoặc có khối lượng bị thất thoát.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm</p> |
| 2.2.4 | <p>Trong trường hợp sử dụng nhãn hiệu công khai, cần phải có sự chấp thuận theo Chính Sách Ghi Nhãn và Nhãn Hiệu Rainforest Alliance 2020 đối với nhãn hiệu gắn và không gắn trên sản phẩm trước khi sử dụng.</p> |
| 2.2.5 | <p>Các chuyến hàng được kết hợp trong một giao dịch bao gồm thông tin đầy đủ để liên kết giao dịch đó với các chuyến hàng cụ thể.</p> |
| 2.2.6 | <p>Văn bản xác nhận cấp <u>giấy ủy quyền</u> của đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại cho <u>hệ thống truy nguyên sản phẩm</u> và xác nhận của cả hai bên đều có sẵn.</p> |
| 2.2.7 | <p>Bên cấp <u>giấy ủy quyền</u> cho <u>hệ thống truy nguyên sản phẩm</u> tuân thủ các yêu cầu về truy nguyên sản phẩm áp dụng.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm</p> |

2.3 CẤP ĐỘ TRUY NGUYÊN TRỘN LẮN GIỮA CHỨNG NHẬN VÀ KHÔNG CHỨNG NHẬN THEO TỶ LỆ CÔNG BỐ

Áp dụng cho các đơn vị sở hữu chứng nhận áp dụng cấp độ truy nguyên trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố cho cây trồng cấp phép loại cấp độ truy nguyên trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố. Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm

| | |
|--------------|--|
| 2.3.1 | Khối lượng <u>tín dụng</u> chỉ được chuyển đổi theo một quy trình xây dựng theo thực tế, việc chuyển đổi sản phẩm này không thể quay ngược trở lại sản phẩm trước đó. |
| 2.3.2 | Khối lượng sản phẩm được bán dưới dạng <u>cấp độ truy nguyên trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố</u> là 100% được bao gồm khối lượng đã mua dưới dạng sản phẩm <u>được chứng nhận</u> . |
| 2.3.3 | Khối lượng đã bán dưới dạng <u>được chứng nhận</u> đáp ứng các yêu cầu phần trăm tối thiểu đối với thông tin xuất xứ.  Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm |
| 2.3.4 | Tài liệu mua và bán khối lượng dưới dạng <u>được chứng nhận</u> bao gồm thông tin xuất xứ ở cấp quốc gia đối với khối lượng đầu vào được chứng nhận và không được chứng nhận.  Vui lòng xem Phụ Lục S6: Truy nguyên sản phẩm |
| 2.3.5 | Giao dịch tín dụng giới hạn trong một chứng nhận, chuyển từ chứng nhận này sang chứng nhận khác phải gửi hàng sản phẩm liên quan đi kèm. |

chương 3



THU NHẬP VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG

Rainforest Alliance hướng tới mục đích bền vững trở thành tiêu chuẩn trong các lĩnh vực hoạt động của mình. Mục tiêu này đòi hỏi sự chuyển đổi cơ bản về các nguyên tắc hoạt động của chuỗi cung ứng trong lĩnh vực cụ thể. Điều này có nghĩa là chuyển sang một hệ thống coi trọng tính bền vững trong ngành sản xuất nông nghiệp và định giá tính bền vững như một loại dịch vụ quan trọng hơn và tính ngoài giá thành của hàng hóa. Điều này cũng có nghĩa là các khoản đầu tư cần thiết để thúc đẩy hoạt động bền vững tại nước xuất xứ không chỉ do người sản xuất mà còn do thị trường gánh chịu. Những khía cạnh Trách Nhiệm Chung này có trong hai yếu tố của Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững 2020. Đầu tiên là Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Về Tính Bền Vững, là một khoản thanh toán bắt buộc bằng tiền mặt được trả cho đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại trên giá thị trường khi bán sản phẩm được chứng nhận. Thứ hai là các Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận do những người mua sản phẩm được chứng nhận chi trả để đóng góp vào những khoản đầu tư mà các đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại cần để thúc đẩy tiến độ của công tác quản lý bền vững tại nước xuất xứ. Với mục tiêu vượt xa hơn cách tiếp cận Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận, chương này cũng bao gồm một bộ các yêu cầu về việc đóng góp vào các khoản thanh toán mức lương cơ bản ở cấp độ đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại mà những đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng có thể tự chọn.

3.2 KHOẢN TIỀN CHI TRẢ CHO SỰ KHÁC BIỆT CỦA SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN BỀN VỮNG

| | |
|--------------|---|
| 3.2.3 | <p>Người mua các sản phẩm <u>được chứng nhận</u> trả <u>Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững</u> dưới dạng khoản thanh toán bằng tiền ngoài <u>mức giá thị trường</u>, tiền thưởng chất lượng hoặc các khoản trả cho sự khác biệt khác. Không được thanh toán Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững dưới dạng hiện vật. Vui lòng xem Phụ lục S14 để biết thêm chi tiết về khả năng áp dụng.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |
| 3.2.4 | <p>Các đơn vị sở hữu chứng nhận chịu trách nhiệm có các thỏa thuận theo hợp đồng hoặc cam kết rõ ràng xác định số tiền và các điều khoản khác liên quan đến khoản thanh toán <u>Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững</u>. Xem Phụ Lục S14 để biết thêm chi tiết về tính ứng dụng.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |
| 3.2.5 | <p>Toàn bộ số tiền của <u>Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững</u> được thanh toán ít nhất là hàng năm và không muộn hơn điều khoản thanh toán xác định cho loại cây trồng liên quan.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |
| 3.2.6 | <p>Việc xác nhận khoản thanh toán <u>Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững</u> được ghi chép vào <u>hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm</u>.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |
| 3.2.7 | <p><u>Khoản Tiền Chi Trả Cho Sự Khác Biệt Của Sản Phẩm Chứng Nhận Bền Vững</u> được thanh toán ở số tiền bằng ít nhất là khoản tối thiểu theo quy định đối với các cây trồng có xác định khoản tối thiểu.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |

3.3 CÁC KHOẢN CHI PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỀN VỮNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

| | |
|--------------|--|
| 3.3.4 | <p>Toàn bộ số tiền của <u>Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận</u> được thanh toán ít nhất là hàng năm và không muộn hơn điều khoản thanh toán xác định cho loại cây trồng liên quan.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |
| 3.3.5 | <p>Việc xác nhận khoản thanh toán <u>Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận</u> được ghi chép vào <u>hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm</u>.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S14: Chia Sẻ Trách Nhiệm</p> |

| | |
|--------------|--|
| 3.3.6 | Các đơn vị sở hữu chứng nhận đơn vị sở hữu chứng nhận có các thỏa thuận theo hợp đồng hoặc cam kết rõ ràng xác định rõ số tiền và các điều khoản khác về Các Khoản Chi Phí Thực Hiện Công Tác Bền Vững Đối Với Sản Phẩm Được Chứng Nhận. Vui lòng xem Phụ lục S14 để biết thêm chi tiết về khả năng áp dụng. |
|--------------|--|

3.4 CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TỪ CHUỖI CUNG ỨNG CHO KHOẢN THANH TOÁN MỨC LƯƠNG CƠ BẢN (TỰ CHỌN)

Áp dụng cho bất kỳ đơn vị sở hữu chứng nhận nào quyết định đóng góp cho khoản thanh toán mức lương cơ bản và yêu cầu tương ứng.

| | |
|-------|---|
| 3.4.1 | Đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng có bản sao kế hoạch của đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại để cải thiện <u>mức lương</u> và đã xác định cách cũng như thời điểm có thể cung cấp hỗ trợ để đạt được mục đích này. |
| 3.4.2 | Có bằng chứng bằng văn bản nêu rằng đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng có trách nhiệm đã tham gia và thỏa thuận với đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại về các phương thức, mục tiêu và thời hạn đóng góp cho việc thực hiện kế hoạch cải thiện <u>mức lương</u> của trang trại. |
| 3.4.3 | Có bằng chứng bằng văn bản nêu rằng các khoản đóng góp cho kế hoạch cải thiện <u>mức lương</u> của trang trại đang được thực hiện và phù hợp với các phương thức, mục tiêu và thời hạn như thỏa thuận với đơn vị sở hữu chứng nhận trang trại. |
| 3.4.4 | Khoản đầu tư tài chính trực tiếp hoặc hình thức đầu tư khác trong bối cảnh đóng góp cho khoản thanh toán <u>Mức Lương Cơ Bản</u> của đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng cho trang trại được ghi lại. |

chương 5

XÃ HỘI





Chương xã hội trao quyền cho người lao động để cung cấp điều kiện sống và làm việc tốt hơn cho bản thân và gia đình họ; thúc đẩy bình đẳng và tôn trọng tất cả mọi người, đặc biệt quan tâm đến các nhóm dễ bị tổn thương như người di cư, trẻ em, thanh niên và phụ nữ; cũng như tăng cường bảo vệ quyền con người và quyền lao động trong các hoạt động được chứng nhận.



Để hỗ trợ sinh kế bền vững, Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững Rainforest Alliance thiết lập các yêu cầu liên quan đến tất cả các quyền cơ bản của con người và quyền lao động cơ bản, sức khỏe và an toàn cũng như các điều kiện sống và làm việc tốt.

Các yêu cầu này phù hợp với các Nguyên Tắc Hướng Dẫn của Liên Hợp Quốc (UNGP) về Kinh Doanh và Nhân Quyền, các công ước liên quan của ILO và các khái niệm khác của nhiều bên liên quan.

5.1 ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ LAO ĐỘNG TRẺ EM, LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC, PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, HÀNH VI BẠO LỰC VÀ QUẤY RỐI TẠI NƠI LÀM VIỆC

| | |
|--------------|---|
| 5.1.1 | <p>Cam kết:</p> <p>Ban quản lý cam kết <u>đánh giá và xử lý lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo hành tại nơi làm việc</u> bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none">• Chỉ định người đại diện quản lý chịu trách nhiệm về hệ thống đánh giá và xử lý• Đối với các trang trại quy mô lớn, các trang trại được chứng nhận riêng lẻ và các đơn vị sở hữu chứng nhận chuỗi cung ứng: giao nhiệm vụ cho một ủy ban bao gồm đại diện ban quản lý được chỉ định và <u>đại diện người lao động</u> để quản lý hệ thống đánh giá và xử lý. <u>Đại diện người lao động</u> được người lao động lựa chọn.• Đối với <u>ban quản lý nhóm</u>: trao nhiệm vụ cho một ủy ban bao gồm người đại diện ban quản lý được chỉ định và người đại diện <u>thành viên nhóm</u> để quản lý hệ thống đánh giá và xử lý. Ban quản lý nhóm chỉ có thể chọn chỉ định một người đại diện ban quản lý thay vì một ủy ban. <p>Các thành viên của ủy ban:</p> <p>Có hiểu biết về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, hành vi bạo hành và quấy rối tại nơi làm việc</p> <ul style="list-style-type: none">• Không thiên vị, dễ tiếp cận và được tin cậy bởi <u>người lao động/thành viên nhóm</u> <p>Giao tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">• Đại diện/ủy ban quản lý: phối hợp với ban quản lý, ủy ban khiếu nại và người/ủy ban phụ trách vấn đề giới tính• Nâng cao nhận thức về bốn vấn đề này cùng ban quản lý và nhân viên (nhóm) ít nhất hàng năm• Thông báo bằng văn bản cho người lao động/thành viên nhóm biết rằng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo hành nơi làm việc sẽ không dung thứ, và ban quản lý thiết lập hệ thống đánh giá và xử lý các trường hợp liên quan. Thông tin này được thể hiện rõ ràng tại các vị trí trung tâm mọi lúc. <p> Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn L: Đánh Giá và Xử Lý</p> |
| 5.1.2 | <p>Giảm thiểu rủi ro:</p> <p>Đại diện/ủy ban quản lý đưa vào trong <u>kế hoạch quản lý</u> các biện pháp giảm thiểu như đã xác định trong <u>Đánh Giá Rủi Ro</u> cơ bản và thực hiện các biện pháp tương ứng.</p> <p>Lặp lại Đánh Giá Rủi Ro cơ bản ít nhất ba năm một lần.</p> <p>Phạm vi trang trại:</p> <p>Kế hoạch quản lý: xem 1.3.2</p> <p>Đánh Giá Rủi Ro: xem 1.3.1</p> <p>Phạm vi Chuỗi Cung Ứng:</p> <p>Kế hoạch quản lý: xem 1.1.3</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S3: Công Cụ Đánh Giá Rủi Ro</p> |

5.1 ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ LAO ĐỘNG TRẺ EM, LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC, PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, HÀNH VI BẠO LỰC VÀ QUẤY RỐI TẠI NƠI LÀM VIỆC

| | |
|--------------|---|
| 5.1.3 | <p>Theo dõi:</p> <p>Người đại diện/ủy ban quản lý</p> <ul style="list-style-type: none">• Theo dõi rủi ro và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro• Báo cáo các trường hợp tiềm ẩn <u>lao động trẻ em</u>, <u>lao động cưỡng bức</u>, <u>phân biệt đối xử</u>, <u>quấy rối</u> và <u>bạo hành nơi làm việc</u> cho ban quản lý và cho ủy ban khiếu nại• Theo dõi các hoạt động <u>khắc phục hậu quả</u> (xem 5.1.4) <p>Cường độ của hệ thống giám sát được điều chỉnh theo mức độ rủi ro và vấn đề nổi cộm.</p> <p> Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn R: Công Cụ Theo Dõi Đánh Giá và Xử Lý</p> |
| 5.1.4 | <p><u>Khắc Phục Hậu Quả</u>:</p> <p>Người đại diện/ủy ban quản lý đặt ra trong <u>kế hoạch quản lý</u> cách khắc phục các trường hợp <u>lao động trẻ em</u>, <u>lao động cưỡng bức</u>, <u>phân biệt đối xử</u>, <u>quấy rối</u> và <u>bạo hành tại nơi làm việc</u>. Khắc phục các trường hợp đã xác nhận và ghi chép lại theo Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả của Rainforest Alliance. Bảo vệ sự an toàn và <u>tính bảo mật</u> của nạn nhân trong suốt quy trình.</p> <p> Vui lòng xem Phụ Lục S4: Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả</p> |

5.2 TỰ DO THAM GIA TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

| | |
|--------------|---|
| 5.2.1 | <p><u>Người lao động</u> có quyền thành lập và tham gia công đoàn hoặc <u>tổ chức người lao động</u> theo sự lựa chọn của riêng họ và tham gia vào thương lượng tập thể mà không cần sự cho phép trước của người sử dụng lao động và theo <u>luật pháp áp dụng</u>. Đại diện người lao động được bầu chọn một cách dân chủ từ những người lao động trong các cuộc bầu cử thường xuyên, tự do.</p> <p>Ban quản lý thông báo cho người lao động về những quyền này thông qua chính sách bằng văn bản sử dụng ngôn ngữ mà họ hiểu, trước khi bắt đầu làm việc. Luôn trình bày trực quan chính sách bằng văn bản về <u>tự do tham gia tổ chức đoàn thể</u> và thương lượng tập thể tại nơi làm việc.</p> <p>Trong trường hợp quyền tự do tham gia tổ chức đoàn thể và thương lượng tập thể bị hạn chế theo luật pháp, ban quản lý không được làm cản trở sự phát triển của các phương tiện song song để tham gia, thương lượng và đối thoại với ban quản lý một cách độc lập và tự do.</p> <p>Công Ước ILO, Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể và Công Ước về Bảo Vệ Quyền Tổ Chức, 1948 (Số 87) Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143)</p> |
| 5.2.2 | <p><u>Người lao động</u> không được <u>phân biệt đối xử</u> hoặc <u>trả thù</u> vì lý do người lao động tham gia vào tổ chức hoặc làm thành viên hoặc hoạt động trong công đoàn trong quá khứ hoặc hiện tại. Ban quản lý không được trừng phạt, hời hợt hoặc gây ảnh hưởng đến các thành viên công đoàn hoặc đại diện người lao động. Lưu giữ hồ sơ chấm dứt hợp đồng lao động, bao gồm cả lý do chấm dứt và liên kết của người lao động với công đoàn hoặc tổ chức người lao động. Ban quản lý không can thiệp vào công việc nội bộ của các tổ chức và/hoặc công đoàn của người lao động, cũng như trong các cuộc bầu cử hoặc nhiệm vụ liên quan đến tư cách thành viên của các tổ chức đó.</p> <p>Công Ước ILO, Công Ước về Quyền Tổ Chức và Thương Lượng Tập Thể, 1949 (Số 98) Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143)</p> |
| 5.2.3 | <p>Ban quản lý cung cấp cho <u>đại diện người lao động</u> thời gian nghỉ việc được trả lương hợp lý để thực hiện chức năng đại diện và tham gia các cuộc họp.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, ban quản lý cung cấp cho đại diện người lao động các phương tiện hợp lý bao gồm không gian họp, phương tiện giao tiếp và dịch vụ chăm sóc trẻ em.</p> <p>Ban quản lý cung cấp cho <u>tổ chức người lao động</u> và/hoặc công đoàn quyền tiếp cận bằng thông báo để truyền đạt thông tin về các hoạt động của họ.</p> <p>Ban quản lý tổ chức đối thoại chân thực với các đại diện người lao động được bầu chọn tự do để cùng nâng cao và giải quyết các điều kiện làm việc và điều kiện tuyển dụng.</p> <p>Ban quản lý lưu giữ các biên bản cuộc họp với tổ chức người lao động và/hoặc công đoàn.</p> <p>Công Ước ILO, Công Ước về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 135) Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143)</p> |

5.3 TIỀN LƯƠNG VÀ HỢP ĐỒNG

| | |
|---------------------|---|
| <p>5.3.1</p> | <p><u>Người lao động làm việc lâu dài</u> và <u>tạm thời làm việc</u> ba tháng liên tục trở lên có <u>hợp đồng lao động</u> bằng văn bản có chữ ký của hai bên. <u>Người lao động</u> nhận một bản hợp đồng tại thời điểm ký kết. Người lao động làm việc lâu dài và tạm thời làm việc dưới ba tháng ít nhất phải có hợp đồng bằng lời nói.</p> <p>Chỉ chấp nhận hợp đồng bằng lời nói thay vì bằng văn bản nếu tạo ra các mối quan hệ lao động ràng buộc về mặt pháp lý theo <u>luật hiện hành</u>. Người sử dụng lao động lưu giữ hồ sơ của các hợp đồng bằng lời nói bao gồm tất cả các điều khoản được liệt kê dưới đây và thông báo cho người lao động về các điều khoản này.</p> <p>Hợp đồng bằng văn bản/bằng lời nói tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhiệm vụ công việc • Vị trí công việc • Giờ làm việc • Mức lương và/hoặc phương pháp tính toán • Mức lương <u>làm việc ngoài giờ</u> • Tần suất hoặc lịch thanh toán • Các khoản giảm trừ, phúc lợi được cung cấp dưới dạng hiện vật • Nghỉ có lương • Nghỉ phép y tế và các quyền lợi bảo vệ trong trường hợp ốm đau, tàn tật hoặc tai nạn • Thời gian báo trước (nếu có) trước khi chấm dứt hợp đồng |
| <p>5.3.2</p> | <p>Ban quản lý không tham gia sắp xếp hoặc hoạt động nhằm mục đích loại bỏ hoặc giảm bớt lương và/hoặc phúc lợi của <u>người lao động</u> chẳng hạn như thuê <u>người lao động tạm thời</u> để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hoặc liên tục.</p> |
| <p>5.3.3</p> | <p><u>Người lao động</u> phải nhận được ít nhất mức lương tối thiểu hiện hành hoặc mức lương được thương lượng trong Thỏa Thuận Thương Lượng Tập Thể (Collective Bargaining Agreement, CBA), tùy theo mức lương nào cao hơn. Đối với sản xuất, hạn ngạch hoặc <u>khoản sản phẩm</u>, khoản thanh toán ít nhất phải bằng mức lương tối thiểu dựa trên giới hạn 48 giờ làm việc trong tuần hoặc giờ làm việc hợp pháp của quốc gia, tùy theo mức lương nào thấp hơn.</p> |
| <p>5.3.5</p> | <p>Chỉ được phép khấu trừ tiền lương, ví dụ cho an sinh xã hội, nếu <u>luật hiện hành</u> hoặc CBA quy định. Chỉ có thể thực hiện khấu trừ tiền lương tự nguyện như tiền tạm ứng, tiền gia nhập công đoàn hoặc khoản vay khi có sự đồng ý bằng văn bản hoặc bằng lời nói từ <u>người lao động</u>. Người sử dụng lao động phải nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản khấu trừ này. Không được phép khấu trừ lương như là biện pháp kỷ luật. Không được phép khấu trừ các khoản chi cho dụng cụ, thiết bị hoặc công cụ liên quan đến công việc, trừ khi được luật hiện hành cho phép.</p> <p>Các phúc lợi bằng hiện vật phải phù hợp với luật hiện hành, tuy nhiên không được vượt quá 30% tổng thù lao.</p> <p>Công Ước ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 95) Khuyến Nghị của ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 85)</p> |
| <p>5.3.6</p> | <p><u>Người lao động</u> được trả lương đều đặn theo những khoảng thời gian đã định nhưng ít nhất phải là hàng tháng. Cả người lao động và người sử dụng lao động đều đồng ý về lịch trình thanh toán,.</p> <p>Lưu giữ hồ sơ của mỗi người lao động về số giờ làm việc (<u>thường xuyên</u> và <u>ngoài giờ</u>) và/hoặc khối lượng sản xuất (nếu có), tính toán tiền lương và các khoản giảm trừ, khoản lương đã thanh toán. Người lao động được cung cấp phiếu lương với mỗi lần thanh toán có thông tin này.</p> <p>Công Ước ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 95)</p> |

5.3 TIỀN LƯƠNG VÀ HỢP ĐỒNG

| | |
|--------------|---|
| 5.3.8 | <p>Công việc có giá trị ngang nhau được trả công ngang nhau mà không bị <u>phân biệt đối xử</u>, chẳng hạn như theo <u>giới tính</u> hoặc kiểu <u>người lao động</u>, dân tộc, tuổi tác, màu da, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc tịch, nguồn gốc xã hội hoặc những yếu tố khác.</p> <p>Công Ước ILO về Thù Lao Bình Đẳng, 1951 (Số 100)</p> |
| 5.3.9 | <p>Nếu sử dụng <u>các đơn vị cung cấp dịch vụ lao động</u>, ban quản lý có hợp đồng bằng văn bản và các cơ chế giám sát được lập hồ sơ để đảm bảo rằng đơn vị cung cấp dịch vụ lao động:</p> <ul style="list-style-type: none">• Được cấp phép hoặc chứng nhận bởi cơ quan quốc gia có thẩm quyền, nếu có• Tuân thủ các hợp pháp yêu cầu pháp lý hiện hành• Không tham gia vào các hoạt động tuyển dụng gian lận hoặc ép buộc• Tuân thủ áp cả các yêu cầu hiện hành liên quan đến người lao động tại mục 5.3 và 5.5 thuộc tiêu chuẩn này <p>Tất cả <u>các khoản phí tuyển dụng</u> do ban quản lý chi trả chứ không phải <u>người lao động</u>.</p> <p>Công Ước ILO về Cơ quan/Đại Lý Dịch Vụ Việc Làm Tư Nhân, 1997 (Số 181)</p> |

5.5 ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

| | |
|---------------------|--|
| <p>5.5.1</p> | <p><u>Người lao động</u> không làm việc nhiều hơn tám <u>giờ làm việc chính thức</u> mỗi ngày và 48 giờ làm việc chính thức mỗi tuần. Ngoài ra, người lao động được nghỉ ít nhất 30 phút sau tối đa sáu giờ làm việc liên tục và được nghỉ ít nhất đủ một ngày sau tối đa sáu ngày làm việc liên tục.</p> <p>Giờ làm việc chính thức của cảnh vệ binh quân mỗi năm không vượt quá 56 giờ một tuần.</p> <p>Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Ngành), 1919 (Số 1) Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Thương Mại và Văn Phòng), 1930 (Số 30)</p> |
| <p>5.5.2</p> | <p><u>Làm việc ngoài giờ</u> là tự nguyện và chỉ được phép nếu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Được yêu cầu một cách kịp thời Được trả tiền lương theo luật hiện hành hoặc CBA, tùy theo mức nào cao hơn. Nếu không có luật hoặc CBA thì được trả ít nhất 1,5 lần mức lương thông thường. Làm việc ngoài giờ không có nghĩa là tăng <u>rủi ro</u> về <u>sức khỏe và an toàn</u>. Giám sát tỷ lệ <u>sự cố</u> trong thời gian làm ngoài giờ và giảm thời gian làm ngoài giờ, nếu tỷ lệ tai nạn cao hơn trong thời gian làm ngoài giờ so với trong thời gian <u>giờ làm việc chính thức</u>. <u>Người lao động</u> có phương tiện di chuyển an toàn về nhà sau giờ làm việc* Tổng số giờ làm việc trong tuần không vượt quá 60 giờ một tuần. Các trường hợp ngoại lệ chỉ áp dụng cho các trang trại: xem h) Người lao động được nghỉ ít nhất 30 phút sau tối đa sáu giờ làm việc liên tục và có tối thiểu 10 giờ nghỉ liên tục trong 24 giờ Lưu giữ hồ sơ ghi chép số giờ làm việc chính thức và số giờ làm ngoài giờ của mỗi người lao động* Chỉ áp dụng cho các trang trại trồng chè, cà phê, chuối, trái cây tươi, hoa và các cây trồng có khoảng thời gian thu hoạch ngắn từ sáu tuần trở xuống: trong những trường hợp ngoại lệ có nguy cơ mất mùa do, ví dụ: sản xuất dư thừa, cơ sở hạ tầng hư hại, trong thời gian tối đa 12 tuần mỗi năm, thời gian ngoài giờ có thể lên đến tổng cộng 24 giờ mỗi tuần và người lao động có thể làm việc tối đa 21 ngày liên tục. <p>*trong các nhóm trang trại quy mô nhỏ, điều này không áp dụng cho những người lao động là <u>thành viên nhóm</u></p> <p>Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Ngành), 1919 (Số 1) Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Thương Mại và Văn Phòng), 1930 (Số 30) Bộ Quy Tắc Thực Hành của ILO về An Toàn và Sức Khỏe trong Nông Nghiệp, 2010 Hội Nghị Lao Động Quốc Tế, Kỳ Họp lần thứ 107, Nghiên Cứu Chung về các công cụ về thời gian làm việc, 2018</p> |
| <p>5.5.3</p> | <p><u>Người lao động</u> làm việc lâu dài mang thai được phép nghỉ thai sản có lương theo <u>luật hiện hành</u>. Khi không có luật hiện hành, người lao động được nghỉ thai sản có lương ít nhất 12 tuần, trong đó ít nhất là sáu tuần sau khi sinh. Họ nhận được các quyền và phúc lợi thai sản. Họ có thể trở lại làm việc sau khi nghỉ sinh với các điều khoản và điều kiện tương tự và không phải chịu <u>phân biệt đối xử</u>, giảm thâm niên hoặc trừ lương.</p> <p>Người lao động đang mang thai, cho con bú hoặc mới sinh con được bố trí lịch làm việc và địa điểm làm việc linh hoạt. Phụ nữ cho con bú có thêm hai lần nghỉ giải lao mỗi lần 30 phút mỗi ngày và không gian để vắt sữa cho <u>con</u> bú.</p> <p>Không gian vắt sữa phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có chức năng hỗ trợ vắt sữa (tối thiểu phải có ghế và bề mặt phẳng để đặt dụng cụ bơm sữa, nếu cần) Được che chắn tầm nhìn Không bị công chúng và đồng nghiệp xâm phạm Sẵn sàng bất cứ khi nào người mẹ cần hút hoặc vắt sữa Không phải nhà vệ sinh <p>Công Ước ILO, Công Ước về Bảo Vệ Thai Sản, 1952 (Số 183)</p> |

5.6 SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

| | |
|---------------------|--|
| <p>5.6.1</p> | <p><u>Chuyên gia có năng lực</u> tiến hành phân tích các rủi ro về <u>an toàn và sức khỏe</u> nghề nghiệp. Đưa các biện pháp an toàn và sức khỏe lao động tương ứng vào trong <u>kế hoạch quản lý</u> và triển khai thực hiện, ít nhất có xem xét đến các điều sau;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích rủi ro • Tuân thủ các quy định • Đào tạo người lao động • Quy trình và thiết bị đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động <p>Ghi chép lại số lượng và loại sự cố an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (quy định cho nam và nữ) và bao gồm các sự cố liên quan đến việc sử dụng <u>hóa chất nông nghiệp</u>.</p> <p>Đối với các nhóm trang trại quy mô nhỏ, điều này được thực hiện cho các cơ sở của riêng họ.</p> <p>Công Ước ILO, Công Ước về An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp, 1981 (Số 155)</p> |
| <p>5.6.2</p> | <p>Trang bị các hộp sơ cứu cho <u>người lao động</u> để điều trị các chấn thương liên quan đến công việc, và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe <u>cấp cứu</u> miễn phí bao gồm vận chuyển đến và điều trị trong bệnh viện.</p> <p>Đặt các hộp này tại các vị trí trung tâm của nơi sản xuất, chế biến và bảo trì. Đối với trường hợp khẩn cấp, thực hiện các biện pháp thích hợp, bao gồm có vòi sen và bồn rửa mắt ở các vị trí liên quan.</p> <p>Các nhân viên sơ cứu được đào tạo có mặt trong giờ làm việc. Thông báo cho người lao động biết về địa điểm và người mà họ nên tìm gặp để được sơ cứu trong trường hợp khẩn cấp.</p> |
| <p>5.6.4</p> | <p><u>Người lao động</u> có quyền tiếp cận <u>nước uống</u> an toàn và đầy đủ mọi lúc thông qua một trong các phương tiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống nước uống công cộng, hoặc • Nước uống do ban quản lý cung cấp, tuân thủ các thông số nước uống theo quy định của luật hiện hành hoặc WHO, dựa trên việc xét nghiệm thường xuyên ít nhất là trước mỗi đợt thanh tra chứng nhận của Rainforest Alliance và bất kỳ lúc nào xảy ra hoặc xác định có <u>nguy cơ</u> ô nhiễm nước <p>Bảo vệ nguồn nước uống và duy trì cơ chế phân phối nước để tránh nhiễm bẩn.</p> <p>Bảo vệ nước uống lưu trữ trong ca và bình chứa tránh khỏi nhiễm bẩn bằng cách sử dụng nắp đậy và được thay nước uống mới ít nhất 24 giờ một lần.</p> |
| <p>5.6.7</p> | <p>Cung cấp nhà vệ sinh và khu rửa tay đầy đủ, sạch sẽ và hoạt động tốt trong hoặc gần các cơ sở sản xuất, chế biến, bảo trì, văn phòng và <u>nhà ở của người lao động</u>.</p> <p>Các cơ sở được phân chia theo <u>giới tính</u> trong trường hợp có 10 người lao động trở lên. Nhà vệ sinh nam nằm tách biệt với nhà vệ sinh nữ. Đảm bảo sự an toàn và quyền riêng tư của các <u>nhóm dễ bị tác động</u> bằng ít nhất là các tiện nghi đủ ánh sáng và có khóa. Cho phép người lao động đến các cơ sở này thường xuyên khi cần thiết.</p> |
| <p>5.6.8</p> | <p><u>Người lao động</u> nhận thông tin về các chủ đề sức khỏe, chính sách nghỉ phép y tế và tình trạng sẵn có của các dịch vụ y tế chính, sức khỏe bà mẹ và sức khỏe sinh sản trong <u>cộng đồng</u>.</p> |
| <p>5.6.9</p> | <p>Những người làm việc trong điều kiện <u>nguy hiểm</u> (ví dụ: ở địa hình khó khăn, làm việc với máy móc hoặc với <u>vật liệu có chứa độc tính</u>) sử dụng <u>Đồ Bảo Hộ Lao Động Cá Nhân (Personal Protective Equipment, PPE)</u>.</p> <p>Những người này được đào tạo cách sử dụng PPE và được tiếp cận PPE miễn phí.</p> |

5.6 SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

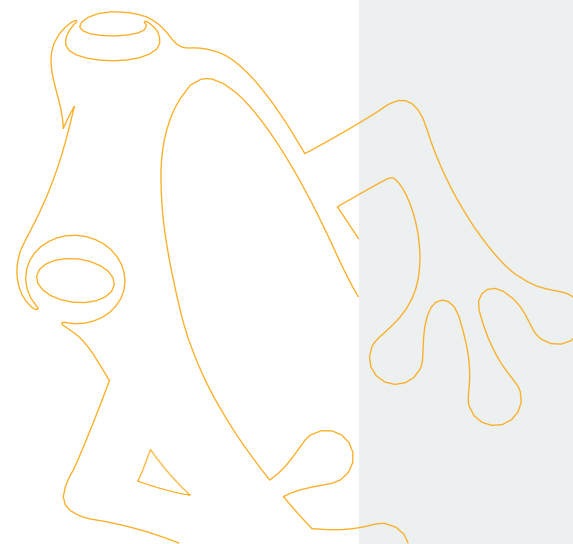
| | |
|---------------|--|
| 5.6.10 | <p>Tất cả các công cụ được <u>người lao động</u> sử dụng trong tình trạng hoạt động tốt.</p> <p>Máy móc có hướng dẫn rõ ràng về cách sử dụng an toàn mà người dùng và người lao động có thể hiểu được và các bộ phận nguy hiểm được che chắn hoặc bao bọc. Người lao động sử dụng máy móc được đào tạo thích hợp và nếu luật pháp yêu cầu, người lao động vận hành máy móc phải có giấy phép hiện hành.</p> <p>Cất giữ an toàn máy móc và thiết bị khác khi không sử dụng.</p> |
| 5.6.11 | <p>Không chỉ định <u>lao động</u> nữ đang mang thai, đang cho con bú hoặc mới sinh con tham gia các hoạt động gây <u>rủi ro</u> cho sức khỏe của phụ nữ, thai nhi hoặc trẻ sơ sinh. Trong trường hợp phân công lại công việc thì sẽ không bị giảm thù lao. Không được yêu cầu xét nghiệm mang thai.</p> |
| 5.6.12 | <p><u>Người lao động</u> có thể rời khỏi những tình huống làm việc có <u>nguy hiểm sắp xảy ra</u> mà không cần xin phép người sử dụng lao động và không bị phạt.</p> |
| 5.6.13 | <p>Nhà xưởng, khu bảo quản và cơ sở chế biến an toàn, sạch sẽ, đủ ánh sáng và thông gió.</p> <p>Thiết lập quy trình xử lý tai nạn và <u>trường hợp cấp cứu</u> rõ ràng và được lập văn bản. Quy trình đó bao gồm các lối thoát hiểm có đánh dấu, bản đồ sơ tán, ít nhất một cuộc diễn tập khẩn cấp mỗi năm.</p> <p>Ban quản lý thông báo cho <u>người lao động</u> về quy trình này.</p> <p>Trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy để khắc phục sự cố rơi vãi vật liệu. Đào tạo người lao động về cách sử dụng thiết bị này.</p> <p>Chỉ những người được ủy quyền mới được phép đi vào xưởng, kho chứa hoặc cơ sở chế biến.</p> |
| 5.6.14 | <p><u>Người lao động</u> trong nhà xưởng, cơ sở bảo quản và chế biến có không gian ăn uống sạch sẽ và an toàn, có tác dụng che mưa nắng. Người lao động trên đồng có thể ăn uống ở nơi được che chắn nắng mưa.</p> |
| 5.6.15 | <p><u>Người lao động</u> được đào tạo cơ bản về sức khỏe, an toàn và vệ sinh lao động, và các hướng dẫn liên quan được trình bày rõ ràng tại các vị trí trung tâm.</p> |
| 5.6.16 | <p><u>Người lao động</u> thường xuyên xử lý <u>hóa chất nông nghiệp độc hại</u> được khám sức khỏe ít nhất một lần một năm. Trong trường hợp thường xuyên tiếp xúc với <u>thuốc trừ sâu</u> organophosphate hoặc carbamate, khám sức khỏe bao gồm kiểm tra cholinesterase. Người lao động có quyền biết kết quả khám sức khỏe.</p> |

Chương 6

MÔI TRƯỜNG

Hoạt động nông nghiệp có thể mang lại những tác động tích cực hoặc tiêu cực đến môi trường tự nhiên, tùy thuộc vào cách thức quản lý. Chương môi trường phác thảo các lộ trình để các tổ chức được chứng nhận tạo ra tác động tích cực lên hành tinh. Vì có các rủi ro cho môi trường vượt ra ngoài phạm vi trang trại, nên các yêu cầu cũng áp dụng cho cả những đơn vị tham gia chuỗi cung ứng được xác định là thể hiện rủi ro cao đối với các chủ đề môi trường nhất định, quản lý nước thải kể từ bây giờ.

Một lần nữa, Rainforest Alliance công nhận rằng chứng nhận phù hợp với bức tranh toàn cảnh về bảo tồn cảnh quan, cần có nhiều chiến lược để tạo ra tác động lâu dài cho đa dạng sinh học và hành tinh. Nội dung của chương này là điểm khởi đầu để các tổ chức được chứng nhận có thể hỗ trợ đạt mục tiêu này. Khi có nhiều thời gian hơn, các chủ đề khác có liên quan về môi trường sẽ từ từ được đưa vào các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng.



6.6 QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

| | |
|--------------|--|
| 6.6.1 | <p>Tiến hành kiểm tra xử lý <u>nước thải</u> tại tất cả các điểm xả trong (các) công đoạn vận hành đại diện và ghi chép lại kết quả.</p> <p>Đối với các nhóm trang trại, điều này được thực hiện tại tất cả các cơ sở chế biến do nhóm (tập thể) quản lý và tại một mẫu đại diện của các hoạt động thành viên xử lý bao gồm các loại hệ thống xử lý khác nhau.</p> <p><u>Nước thải từ các hoạt động chế biến</u> thải vào <u>hệ sinh thái ngập nước</u> đáp ứng các thông số chất lượng nước thải phù hợp. Trong trường hợp không có những yếu tố này, nó đáp ứng <u>các thông số về nước thải</u>.</p> <p>Không được pha trộn nước thải từ các hoạt động chế biến với nước sạch đáp ứng các thông số.</p> |
| 6.6.2 | <p>Không sử dụng <u>chất thải</u> của người, bùn và nước thải cho các hoạt động sản xuất và/hoặc chế biến.</p> <p>Không thải chất thải vào <u>hệ sinh thái ngập nước</u> trừ khi đã được xử lý.</p> <p>Không áp dụng cho các trang trại quy mô nhỏ: Xả thải đã qua xử lý được chứng minh là đáp ứng các thông số chất lượng nước thải phù hợp hoặc nếu không có các thông số này, thì là <u>thông số nước thải</u>.</p> |
| 6.6.3 | <p><u>Nước thải từ các hoạt động chế biến</u> không được xả trực tiếp vào đất trừ khi đã được xử lý để loại bỏ các hạt lắng và chất độc.</p> <p>Nếu sử dụng <u>nước thải</u> đã xử lý để tưới tiêu, ngoài <u>các thông số về nước thải</u>, phải tuân thủ các thông số về nước thải dùng cho tưới tiêu.</p> |